

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH
1174 - ĐƯỜNG LÁNG - ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2010

- 1-BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
- 2-KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- 3-BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
- 4-THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2010

A handwritten signature or mark in blue ink is located in the bottom right corner of the page.

BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		127,335,465,659	126,430,931,463
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	6,018,707,409	32,651,723,463
1. Tiền	111		6,018,707,409	5,245,560,848
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	27,406,162,615
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	18,936,949,630	2,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		18,936,949,630	2,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	42,933,097,458	5,171,448,640
1. Phải thu khách hàng	131	3	2,730,991,513	2,259,198,372
2. Trả trước cho người bán	132	3	40,091,900,788	2,912,250,268
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	3	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134	3	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	3	110,205,157	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		57,278,365,318	70,321,524,903
1. Hàng tồn kho	141	4	57,999,400,819	71,042,560,404
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(721,035,501)	(721,035,501)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,168,345,844	16,286,234,457
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,327,217,323	2,341,463,417
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		590,596,317	4,903,918,872
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	3	250,532,204	9,040,852,168
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9,184,681,967	8,326,858,340
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	7	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5,949,293,042	5,545,953,847
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	5,501,450,085	4,164,626,256
- Nguyên giá	222	8	8,762,212,613	6,218,523,462
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	8	(3,260,762,528)	(2,053,897,206)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	(0)	-
- Nguyên giá	225	9	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	9	(0)	-

217
 NG
 PH
 GI
 AN
 DA

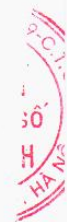
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	357,842,957	503,763,023
- Nguyên giá	228	10	908,414,960	908,414,960
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	10	(550,572,003)	(404,651,937)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	90,000,000	877,564,568
III. Bất động sản đầu tư	240	12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,235,388,925	2,780,904,493
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	3,235,388,925	2,780,904,493
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	14	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		136,520,147,625	134,757,789,803

00
TY
AN
AN
- TP

BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

(Tiếp theo)	Đơn vị tính: VND			
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		47,221,187,534	47,775,580,607
I. Nợ ngắn hạn	310		46,105,163,947	46,397,461,416
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	-	-
2. Phải trả người bán	312		37,200,362,869	35,732,411,011
3. Người mua trả tiền trước	313		579,420,985	830,937,980
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	1,621,432,851	1,449,089,642
5. Phải trả người lao động	315		60,584,145	4,440,846,634
6. Chi phí phải trả	316	17	2,914,506,894	1,073,603,605
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	2,141,985,790	1,142,871,105
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,586,870,413	1,727,701,439
II. Nợ dài hạn	330	20	1,116,023,587	1,378,119,191
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	729,322,941
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		584,146,250	648,796,250
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		531,877,337	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		89,298,960,091	86,982,209,196
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	89,298,960,091	86,982,209,196
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	47,279,360,000	47,279,360,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	2,215,594,000	1,791,279,895
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	22	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	22	(1,211,470,000)	(753,155,895)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	22	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	22	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	22	424,368,000	424,368,000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	22	3,268,517,815	1,509,004,735
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	22	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22	37,322,590,276	36,731,352,461
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	22	-	-



1. Nguồn kinh phí	432	23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		136,520,147,625	134,757,789,803

0

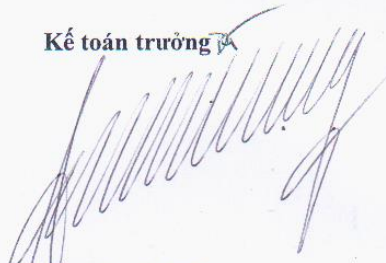
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Kế toán trưởng



Trần Thanh Tùng

Hà Nội, Ngày 10 tháng 07 năm 2010

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Kiên



CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Địa chỉ: 1174 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7666 666 Fax: (04) 7667 708

Mẫu số B 02a - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/06/2010

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính từ ngày 01/04/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ KỶ NÀY NĂM NAY	SỐ KỶ NÀY NĂM TRƯỚC	SỐ LŨY KẾ KỶ NÀY NĂM NAY	SỐ LŨY KẾ KỶ NÀY NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	270,044,626,315	194,958,438,532	549,899,293,455	418,439,717,999
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	2,276,857,000	2,606,888,419	2,912,798,363	5,116,179,798
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	27	267,767,769,315	192,351,550,113	546,986,495,091	413,323,538,201
4. Giá vốn hàng bán	11	28	239,792,718,565	173,992,689,043	488,036,217,117	372,500,452,009
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27,975,050,750	18,358,861,070	58,950,277,975	40,823,086,192
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	668,386,139	2,202,816,250	1,190,744,311	3,054,810,770
7. Chi phí tài chính	22	30	-	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24		16,371,443,406	10,505,037,954	32,339,878,482	20,811,912,640
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,382,312,858	2,025,628,578	9,842,419,780	3,890,466,592
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,889,680,625	8,031,010,788	17,958,724,024	19,175,517,730
11. Thu nhập khác	31		27,300,253	4,176,587,650	144,018,243	8,032,639,089
12. Chi phí khác	32		59,908,363	3,743,475	132,805,387	3,743,474
13. Lợi nhuận khác	40		(32,608,110)	4,172,844,175	11,212,856	8,028,895,615
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6,857,072,515	12,203,854,963	17,969,936,880	27,204,413,345
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	1,714,267,982	3,060,190,615	4,492,482,982	6,792,081,519
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,142,804,533	9,143,664,348	13,477,453,898	20,412,331,826
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-

Hà Nội, Ngày 10 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng

Trần Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Trần Xuân Kiên



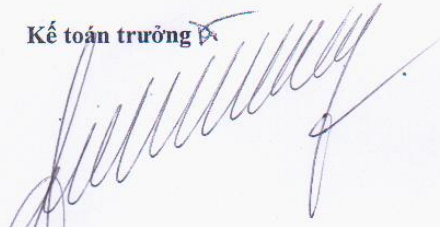
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo Phương pháp trực tiếp)***Quý II Năm 2010**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LŨY KẾ KỲ NÀY NĂM NAY	LŨY KẾ KỲ NÀY NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		600,073,606,152	439,485,420,903
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(577,232,132,342)	(393,377,611,069)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15,356,482,091)	(10,120,080,774)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4,315,631,419)	(5,669,078,455)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3,918,365,163	7,528,791,379
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21,995,485,214)	(42,075,780,161)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14,907,759,751)	(4,228,338,177)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2,389,936,556)	(375,292,925)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		6,200,000	650,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cô tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2,383,736,556)	(374,642,925)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(8,500,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			

5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9,367,190,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9,367,190,000)	(8,500,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(26,658,686,307)	(4,611,481,103)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32,651,723,462	6,032,512,617
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	25,670,254	1,466,447,385
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6,018,707,410	2,887,478,899

Kế toán trưởng



Trần Thanh Tùng

Hà Nội, Ngày 10 tháng 07 năm 2010

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Kiên




THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Thế Giới số Trần Anh (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trần Anh (Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0102004730), được chuyển đổi và hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018927 ngày 8/8/2007 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Buôn bán thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng các sản phẩm điện tử, tin học, máy văn phòng;
- Lắp ráp các sản phẩm điện tử, tin học;
- Mua bán điện thoại di động;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông;
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm điện tử, điện máy, điện lạnh và đồ gia dụng.

Công ty có trụ sở tại số 1174 Đường Láng Đống Đa Hà Nội.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm: Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ được Công ty sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính: nguyên tắc giá gốc

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 105/2003/TT-BTC ngày 04/11/2003.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

– Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1-Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn nhỏ hơn 90 ngày.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài VND được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại ngày lập Bảng Cân đối Kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ lại vào thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.

2-Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền tịnh tiến.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hình thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính, theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 – “Hàng tồn kho” và Thông tư số 107/2001/TT-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ Tài chính.

3-Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

<i>Loại tài sản cố định:</i>	<i>Thời gian (năm)</i>
Máy móc thiết bị	[7]
Thiết bị văn phòng	[3]
Phương tiện vận tải	[6]
Phần mềm	[3]

4-Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp, như: Phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác... Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc xây dựng.

Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5-Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: dựa trên sự chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm.

6-Ghi nhận chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định.

Ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

7-Chi phí trả trước

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

8-Ghi nhận chi phí phải trả:

Chi-phí phải trả bao gồm giá trị các khoản đã tính trước vào chi phí kinh doanh của Công ty trong kỳ, nhưng chưa thực chi tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

9-Ghi nhận dự phòng phải trả

10-Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: Vốn Điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty, mệnh giá 10.000 VND/1 cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch danh giá lại tài sản: được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch danh giá lại tài sản

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính hoặc của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận ngay vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Neu nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính trước được ghi nhận trên tài khoản Lợi nhuận chưa phân phối năm trước. Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận được thực hiện theo phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty được thông qua tại Đại hội Cổ đông.

11-Ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng hoá và dịch vụ được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12-Ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

13-Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

14-Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:

15-Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

Nghĩa vụ thuế như sau:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

- Hàng hóa dịch vụ do công ty cung cấp chịu thuế GTGT theo quy định hiện hành

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

- Công ty chịu thuế TNDN với mức thuế suất là 25%.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Cơ quan thuế sẽ kiểm tra quyết toán các loại thuế áp dụng đối với Công ty. Bất kỳ các khoản khác biệt về thuế sẽ được Công ty điều chỉnh sổ kế toán một cách tương ứng.

V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 Tiền

	Kỳ này năm nay	Năm trước
- Tiền mặt	712,962,544	201,113,049
- Tiền gửi ngân hàng	5,305,744,865	5,044,447,799
- Các khoản tương đương tiền	0	27,406,162,615
Cộng	6,018,707,409	32,651,723,463

2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Kỳ này năm nay	Năm trước
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	0	0
- Đầu tư ngắn hạn khác	18,936,949,630	2,000,000,000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	0	0
Cộng	18,936,949,630	2,000,000,000

3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Kỳ này năm nay	Năm trước
- Phải thu khách hàng	2,730,994,513	2,259,198,372
- Trả trước cho người bán	40,091,900,788	2,912,250,268
- Các khoản phải thu khác	110,205,157	0
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	0
- Phải thu khác	110,205,157	0
- Dự phòng phải thu khó đòi		0
- Giá trị thuần của các khoản phải thu	42,933,097,458	5,171,448,640

4 Hàng tồn kho

	Kỳ này năm nay	Năm trước
- Hàng mua đang đi đường	0	0
- Nguyên liệu, vật liệu	0	0
- Công cụ, dụng cụ	0	0
- Chi phí SX, KD dở dang	0	0
- Thành phẩm	0	0
- Hàng hóa	57,999,400,819	71,042,560,404
- Hàng gửi đi bán	0	0
- Hàng hoá kho bảo thuế		0
- Hàng hoá bất động sản		0
Cộng giá gốc hàng tồn kho	57,999,400,819	71,042,560,404
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(721,035,501)	(721,035,501)

17
GT
HÀ
IỚI
N A
A - 1

TG

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Địa chỉ: 1174 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7666 666 Fax: (04) 7667 708

Mẫu số B 09a - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/06/2010

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn **57,278,365,318** **70,321,524,903**

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:.....

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:.....

* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:.....

5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		0
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	590,596,317	4,903,918,872
Cộng	590,596,317	4,903,918,872

6 Phải thu dài hạn nội bộ

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cho vay dài hạn nội bộ		
- ...		
- Phải thu dài hạn nội bộ khác		
Cộng	0	0

7 Phải thu dài hạn khác

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Các khoản tiền nhận ủy thác		
- Cho vay không có lãi		
- Phải thu dài hạn khác		
Cộng	0	0

 NH
 SỐ
 NH
 SỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Địa chỉ: 1174 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: (04) 7666 666 Fax: (04) 7667 708

Mẫu số B 09a - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 30/06/2010

08 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Máy móc - Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
<i>Số dư đầu kỳ</i>	873,511,203		618,808,262	1,733,995,564	2,992,208,432	6,218,523,461
- Mua trong kỳ	60,004,100		609,027,181	322,239,943	407,072,800	1,398,344,024
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	0	0	0	0	1,421,892,444	1,421,892,444
- Tặng khác	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	(160,633,931)		(160,633,931)
- Giảm khác	0	0	0	0	(115,913,385)	(115,913,385)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	933,515,303	0	1,227,835,443	1,895,601,576	4,705,260,291	8,762,212,613
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu kỳ</i>	35,202,733		23,594,559	839,496,939	1,155,602,975	2,053,897,206
- Khấu hao trong kỳ	474,845,413		125,360,909	384,725,979	291,258,618	1,276,190,919
- Tặng khác	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	(69,325,596)	0	(69,325,596)
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
<i>Số dư cuối kỳ</i>	510,048,146	0	148,955,468	1,154,897,322	1,446,861,593	3,260,762,529
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						0
- Tại ngày đầu kỳ	838,308,470	0	595,213,703	894,498,625	1,836,605,457	4,164,626,255
- Tại ngày cuối kỳ	423,467,157	0	1,078,879,975	740,704,254	3,258,398,698	5,501,450,084

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình.



CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Địa chỉ: 1174 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7666 666 Fax: (04) 7667 708

Mẫu số B 09a - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/06/2010

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	...	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
<i>Số dư đầu kỳ</i>	0	0	0	0	908,414,960	908,414,960
- Mua trong kỳ						0
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						0
- Tặng do hợp nhất kinh doanh						0
- Tặng khác						0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						0
<i>Số dư cuối kỳ</i>	0	0	0	0	908,414,960	908,414,960
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu kỳ</i>	0				404,651,937	404,651,937
- Khấu hao trong kỳ					145,920,066	145,920,066
- Tặng khác						0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						0
<i>Số dư cuối kỳ</i>	0	0	0	0	550,572,003	550,572,003
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						0
- Tại ngày đầu kỳ	0	0	0	0	503,763,023	503,763,023
- Tại ngày cuối kỳ	0	0	0	0	357,842,957	357,842,957

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Kỳ này năm nay	Năm trước
- Tổng chi phí XDCB dở dang:	90,000,000	877,564,568
Trong đó (những công trình lớn)		

12 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá bất động sản đầu tư	0	0		
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	0	0		
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	0	0		
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

13- Đầu tư dài hạn khác:

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Đầu tư cổ phiếu		
- Đầu tư trái phiếu		
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		
- Cho vay dài hạn		
- Đầu tư dài hạn khác		
Cộng	<u>0</u>	<u>0</u>

14- Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí trả trước về Công cụ dụng cụ dài hạn	3,235,388,925	2,780,904,493
- Ký quỹ ký cược dài hạn	0	0
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình		
- ...		
Cộng	<u>3,235,388,925</u>	<u>2,780,904,493</u>

15- Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vay ngắn hạn		0
- Nợ dài hạn đến hạn trả		0
Cộng	<u>0</u>	<u>0</u>

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thuế giá trị gia tăng	0	31
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,608,282,710	1,431,464,553
- Thuế thu nhập cá nhân	13,150,141	17,625,058
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất		
- Tiền thuê đất		
- Các loại Thuế khác		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	<u>1,621,432,851</u>	<u>1,449,089,642</u>

17- Chi phí phải trả

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Trích trước chi phí tiền lương, chi phí khác	2,914,506,894	1,073,603,605
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
- ...		
Cộng	<u>2,914,506,894</u>	<u>1,073,603,605</u>

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	0	0
Bảo hiểm y tế	(560,520)	0
Bảo hiểm xã hội	18,218,758	137,423,627
Kinh phí công đoàn	0	0
Doanh thu chưa thực hiện	8,293	0
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	690,692,941	0
Phải trả khác	1,433,626,318	1,005,447,478
Phải thu khác	0	0
Nhận ký quỹ ký cược	0	0
Cộng	<u>2,141,985,790</u>	<u>1,142,871,105</u>

19- Phải trả dài hạn nội bộ

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vay dài hạn nội bộ		0
- Phải trả dài hạn nội bộ khác		0
Cộng	<u>0</u>	<u>0</u>

100
TY
ẤN
S
ANH
TP.

20- Vay và nợ dài hạn

	Kỳ này năm nay	Năm trước
a - Vay dài hạn	0	0
- Vay ngân hàng		0
- Vay đối tượng khác		0
- Trái phiếu phát hành		0
b - Nợ dài hạn	584,146,250	1,378,119,191
- Thuế tài chính		0
- Nợ dài hạn khác	584,146,250	1,378,119,191
Cộng	<u>584,146,250</u>	<u>1,378,119,191</u>

c- Các khoản nợ thuế tài chính

Thời hạn	Kỳ này năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến 5 năm						
Trên 5 năm						

21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Kỳ này năm nay	Năm trước
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>0</u>	<u>0</u>

b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Kỳ này năm nay	Năm trước
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>0</u>	<u>0</u>

P.C.T.H
07
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ TRẦN ANH

Địa chỉ: 1174 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7666 666 Fax: (04) 7667 708

Mẫu số B 09a - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/06/2010

22- Vốn chủ sở hữu**a- Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ ĐTP & DPTC	Quỹ KTPL	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	4	5	6	10	11
Số dư tại ngày 01 tháng 1 năm 2009	30,140,110,000	1,791,279,895	(529,555,895)	848,736,000	(500,043,081)	21,892,374,536	53,642,901,455
[Góp vốn/Phát hành cổ phiếu]	2,211,150,000						2,211,150,000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong [kỳ/năm]						35,190,261,599	35,190,261,599
Phân bổ vào các quỹ				1,084,636,735	4,338,546,939	(5,423,183,674)	0
Các khoản làm tăng vốn khác					45,957,076		45,957,076
Lợi nhuận tái đầu tư							0
Mua lại cổ phiếu			(223,600,000)				(223,600,000)
Phát hành cổ phiếu thường	14,928,100,000					(14,928,100,000)	0
Sử dụng các quỹ					(2,156,759,495)	0	(2,156,759,495)
							0
Số dư tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	47,279,360,000	1,791,279,895	(753,155,895)	1,933,372,735	1,727,701,439	36,731,352,461	88,709,910,635
[Góp vốn/Phát hành cổ phiếu]		424,314,105					424,314,105
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong [kỳ/năm]						13,477,453,898	13,477,453,898
Phân bổ vào các quỹ				1,759,513,080	1,759,513,080	(3,519,026,160)	0
Tặng quỹ từ nguồn khác					2,200,000		2,200,000
Chia Cổ tức						(9,367,190,000)	(9,367,190,000)
Lợi nhuận tái đầu tư						0	0
Mua lại cổ phiếu			(458,314,105)				(458,314,105)
Bán cổ phiếu quỹ							0
Sử dụng các quỹ					(1,902,544,106)	0	(1,902,544,106)
Số dư tại ngày 31 tháng 06 năm 2010	47,279,360,000	2,215,594,000	(1,211,470,000)	3,692,885,815	1,586,870,413	37,322,590,199	90,885,830,427

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Địa chỉ: 1174 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7666 666 Fax: (04) 7667 708

Mẫu số B 09a - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/06/2010

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp của cổ đông	47,279,360,000	47,279,360,000
- Vốn góp của các đối tượng khác		
-		0
Cộng	47,279,360,000	47,279,360,000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ 121,147

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	47,279,360,000	47,279,360,000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm		0
+ Vốn góp cuối năm	47,279,360,000	47,279,360,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d- Cổ tức

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....		0
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:.....		0
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:.....		0

đ- Cổ phiếu

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4,727,936	3,150,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4,689,485	3,000,180
+ Cổ phiếu phổ thông	4,689,485	3,000,180
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	38,451	13,831
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi	38,451	13,831
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,689,485	3,000,180
+ Cổ phiếu phổ thông	4,689,485	3,000,180
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/1 Cổ phần

e- Các quỹ của doanh nghiệp:

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	424,368,000	424,368,000
- Quỹ dự phòng tài chính	3,268,517,815	1,509,004,735
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1,586,870,413	1,727,701,439

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển: Dùng để bổ sung vốn điều lệ cho Công ty theo quy định.
- Quỹ dự phòng tài chính: Dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; bù đắp lỗ của Công ty theo quy định của Công ty CP Thế Giới Số Trần Anh
- Quỹ khác: Theo quy định tại Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước và Quản lý vốn

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

23- Nguồn kinh phí

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm		
- Chi sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	0	0

24- Tài sản thuê ngoài

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(1)- Giá trị tài sản thuê ngoài	0	0
- TSCĐ thuê ngoài		
- Tài sản khác thuê ngoài		
(2)- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn	0	0
- Từ 1 năm trở xuống		
- Trên 1 năm đến 5 năm		
- Trên 5 năm		

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	270,044,626,315	194,958,438,532
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	270,044,626,315	194,958,438,532
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (Đối với doanh nghiệp có hoạt động xây lắp)		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ;		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính;		
	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	2,276,857,000	2,606,888,419
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	2,276,857,000	2,606,888,419
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	267,767,769,315	192,351,550,113
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	267,767,769,315	192,351,550,113
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		
	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
28- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	239,792,718,565	173,992,689,043
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	239,792,718,565	173,992,689,043
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán		
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư		

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

BT

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Địa chỉ: 1174 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7666 666 Fax: (04) 7667 708

Mẫu số B 09a - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/06/2010

- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cộng239,792,718,565173,992,689,043**29- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi bán ngoại tệ
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lãi bán hàng trả chậm
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Kỳ này năm nayKỳ này năm trước

668,386,139

2,202,816,250

0

0

0

0

0

0

25,670,254

1,466,447,385

0

0

0

0

0

0

Cộng694,056,3933,669,263,635**30- Chi phí tài chính (Mã số 22)**

- Lãi tiền vay
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- Lỗ bán ngoại tệ
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- Chi phí tài chính khác

Kỳ này năm nayKỳ này năm trước

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

Cộng00**31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Kỳ này năm nayKỳ này năm trước

1,714,267,982

3,060,190,615

H&A

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Địa chỉ: 1174 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7666 666 Fax: (04) 7667 708

Mẫu số B 09a - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/06/2010

Cộng	1,714,267,982	3,060,190,615
-------------	----------------------	----------------------

32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải-chịu thuế		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Cộng	0	0

33- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	239,792,718,565	172,285,744,261
+ Nguyên vật liệu	239,792,718,565	172,285,744,261
+ Nhiên liệu		
+ Động lực		
- Chi phí nhân công	7,119,544,706	9,530,551,008
+ Tiền lương	6,506,815,511	9,530,551,008
+ BHXH, BHYT, KPCĐ, KP Đảng	612,729,195	
+ Ăn ca		
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,422,110,985	434,995,053
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,116,608,936	4,275,808,728
- Chi phí khác bằng tiền	3,155,400,000	
Cộng	261,606,383,193	186,527,099,050

VIII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

34- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	0	0
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu:		

CÔNG TY
 THẾ GIỚI SỐ
 TRẦN ANH
 TP.

Tg

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Địa chỉ: 1174 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7666 666 Fax: (04) 7667 708

Mẫu số B 09a - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/06/2010

- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:		
b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.	0	0
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý;	...	
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền;	...	
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý;	...	
- Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản TĐ tiền trong Cty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý	...	
c- Trình bày giá trị và tỷ lệ của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do DN nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà DN phải thanh toán.	...	



VIII- Những thông tin khác

- 1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- 2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:.....
- 3- Thông tin về các bên liên quan:.....
- 4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”(2):
- 5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):
Công ty CP Thế giới số Trần Anh-giải trình nguyên nhân dẫn đến biến động về kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước như sau:
 - 1- Sáu tháng đầu năm 2010 về doanh thu có tăng trưởng so với sáu tháng đầu năm 2009 là do công ty:
 - Đầu tư lĩnh vực kinh doanh điện máy vào cuối tháng 12 năm 2009.
 - 2- Trong khi đó về lợi nhuận giảm là do công ty:
 - Thực hiện cải tạo toàn bộ nội thất 2 siêu thị, đầu tư lại hệ thống tủ kệ phục vụ cho việc kinh doanh Điện máy
 - Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên, trong khi đó ngành điện máy mới kinh doanh nên chưa mang lại lợi nhuận.
- 6- Thông tin về hoạt động liên tục:
- 7- Những thông tin khác. (3)

- Đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101127009 ngày 21/06/2010 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hà nội, Ngày 10 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng

Trần Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Trần Xuân Kiên